• BIÊN DỊCH ANH - VIỆT, VIỆT - ANH
• TÌM HIỂU VĂN HÓA VIỆT NAM

CHỦ BIÊN
Hữu Ngọc
Lady Borton

ÁO DÀI
Women's Long Dress



VIETNAMESE CULTURE
FREQUENTLY ASKED QUESTIONS

THẾ GIỚI Thế Giới Publishers

ÁO DÀI
WOMEN'S LONG DRESS

fb.com/ebook.sos



CHỦ BIÊN
HỮU NGỌC - LADY BORTON

THAM KHẢO BIÊN DỊCH
VĂN HÓA VIỆT NAM

ÁO DÀI

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI
Hà Nội - 2014

GENERAL EDITORS
HỮU NGỌC - LADY BORTON

FREQUENTLY ASKED QUESTIONS
ABOUT VIETNAMESE CULTURE

WOMEN'S LONG DRESS

THẾ GIỚI PUBLISHERS
Hà Nội - 2014

© Thế Giới Publishers, 2014
Bilingual Series
Printed in Việt Nam
All rights reserved

ISBN: 978-604-77-0129-2

Thế Giới Publishers would like to acknowledge the following for the use and adaption of their material: *Lao Động, Thanh Niên, Nhân Dân, Sài Gòn Tiếp Thị, Hà Nội Mới, Tuổi Trẻ Chủ Nhật, Sài Gòn Giải Phóng Thứ Bảy, Xưa và Nay, Phụ Nữ Việt Nam, Du Lịch Việt Nam, Thông Tấn Xã Việt Nam, Việt Nam News, Vietnam Investment Review* and *Vietnam Economic Times*.

Chủ biên (*General Editors*):
Hữu Ngọc, Lady Borton

Hội đồng biên tập *(Editorial Council)*:

Hà m Châu, Hữu Tiến,
Andrew Wells-Dang, Brenda Paik Sunoo,
Minh Tâm, Ngô Bích Thuận, Kim Tuyến, Vân Chi,
Đặng Việt Vinh, Xuân Hồng.

Trợ lý biên tập (*Assistant Editor*):
Bùi Kim Tuyến

MỤC LỤC

Từ "áo dài" nghĩa là gì ? 10

Một vài nhận xét về áo dài 10

Chiếc áo dài đã phát triển qua thời gian như thế nào? 14

Áo tứ thân xuất hiện từ bao giờ? 16

Áo dài đã thách thức Nho giáo như thế nào? 20

Áo tứ thân phát triển thành áo dài hiện đại như thế nào? 22

Cuộc cách tân bắt đầu từ khi nào? 24

Trước áo dài, phụ nữ Việt Nam phục trang như thế nào để tôn lên vẻ đẹp của mình? 30

Hình rồng bay trên áo dài tượng trưng cho điều gì? 36

Một trong những bài hát phổ biến nhất về áo dài là bài nào? 40

Một trong những làng dệt lụa may áo dài lâu đời nhất hiện ở đâu? 44

Một trong những cửa hiệu áo dài lâu đời nhất ở Hà Nội nằm ở đâu? 48

CONTENTS

What does the word *"áo dài"* mean? 11

What are several quick assessments of the *áo dài*? 11

How has the *áo dài* developed through time? 15

When did the *áo tứ thân* appear? 17

How did the *áo dài* challenge Confucius? 21

How did the traditional tunic evolve into the modern *áo dài*? 23

When did the reform begin? 25

Before the *áo dài*, what did Vietnamese woman wear to make themselves beautiful? 31

What does a flying dragon on the *áo dài* represent? 37

What is one of the most popular songs about the *áo dài*? 41

Where is one of the oldest villages for making silk for *áo dàis*? 45

Where is one of Hà Nội's oldest *áo dài* shops? 49

Áo dài đã được dùng để
cải trang như thế nào? 52

Áo dài có ý nghĩa như thế nào trong
cuộc sống của những người Mỹ gốc Việt? 62

Đồng phục áo dài được khôi phục tại
các trường học như thế nào? 78

Một phụ nữ phương Tây trông ra sao
trong chiếc áo dài Việt Nam? 82

Màn trình diễn áo dài đầu tiên
diễn ra ở Paris như thế nào? 86

- **Từ vựng** 94

fb.com/ebook.sos

How has the *áo dài* been used as a disguise? 53

How does the *áo dài* feature in the life of the Vietnamese Americans? 63

How was the *áo dài* uniform revived in school? 79

How does a Western woman look in a Vietnamese *áo dài*? 83

How did the first *áo dài* show take place in Paris? 87

- **Glossary** 94

Từ "áo dài" nghĩa là gì?

Trong tiếng Việt, "áo dài" nghĩa là "áo thân dài". Đối với nhiều người, áo dài đã trở thành biểu tượng cho vẻ đẹp của phụ nữ Việt Nam.

Áo dài bắt đầu thu hút sự chú ý của quốc tế kể từ cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Khi ấy, nhiều nhà văn, nhà báo, du khách phương Tây đã trìu mến viết về áo dài bằng tiếng Pháp và tiếng Anh.

Một số từ tiếng Việt như "nem", "phở", "nước mắm" và "Việt Minh", "Việt Cộng", "Đường mòn Hồ Chí Minh" đã xuất hiện trong các từ điển của phương Tây. Hiện nay, từ "áo dài" cũng đã được đưa vào từ điển. Từ điển New World College của Webster định nghĩa: "áo dài" là "trang phục truyền thống của phụ nữ Việt Nam, gồm một chiếc áo dài, cổ cao, bó sát thân, xẻ dọc hai bên lên tới eo, mặc bên ngoài một chiếc quần rộng."

Một vài nhận xét về áo dài

Có thể nói đại thể về áo dài như thế này: "Đẹp, nhưng không phải dành cho mọi phụ nữ và cho mọi dịp", hay "sang trọng", "duyên dáng", "giản dị nhưng tôn lên vóc dáng mảnh dẻ của người phụ nữ", "chiếc áo duyên dáng với hai tà áo nhẹ bay quyến rũ trong gió..."

What does the word "áo dài" mean?

In Vietnamese, "*áo dài*" means "long dress." For many, the dress has become a symbol for the beauty of Vietnamese women.

The *áo dài* began to attract international attention during the American War in Việt Nam. At that time, many Western writers, journalists, and tourists writing in French and English referred affectionately to the *áo dài*.

Some Vietnamese terms such as: "*nem*," "*phở*," and "*nước mắm*" along with "*Việt Minh*," "*Việt Cộng*," and "*Hồ Chí Minh Trail*" have appeared in Western dictionaries. Now, "*áo dài*" has also earned an entry. Webster's New World College Dictionary defines "*áo dài*" as "the traditional costume of Vietnamese women, consisting of a long, high-necked, close-fitting tunic split along the side to the waist and worn over loose-fitting trousers."

What are several quick assessments of the áo dài*?*

This might be a good summary: "Beautiful, but not for every woman and every occasion." Or: "elegant," "graceful," "simple but showing off the woman's slender form," "a charming dress with its flaps fluttering attractively in the wind..."

Du khách đến Việt Nam đã dùng đủ mọi tính từ để bày tỏ sự khâm phục của họ đối với chiếc áo dài truyền thống của phụ nữ Việt Nam. Áo dài bó sát thân nên phù hợp với những phụ nữ thon thả, và vóc dáng của đa số phụ nữ Việt Nam như vậy. Cũng giống như Raymond de Dalmas mô tả chiếc kimono của Nhật là: "thích hợp một cách hoàn hảo với vẻ đẹp đặc biệt của phụ nữ Nhật Bản và làm cho họ trở nên đáng yêu hơn." Tuy vậy, chúng ta không hay thấy phụ nữ Nhật Bản mặc kimono đi trên các đường phố Tokyo, có lẽ bởi vì trang phục này không thích hợp khi làm việc. Cũng vì những lý do này mà chúng ta cũng hiếm khi thấy phụ nữ Hà Nội mặc áo dài đi trên đường phố.



Phụ nữ phương Tây nói chung không nhỏ nhắn như phụ nữ Việt Nam, nên dù rất thích nhưng họ hiếm khi mặc áo dài vì thấy không thoải mái. Edie Schule đã ghi lại trong hồi ký "Đất và nước" của mình như sau: "Cô giáo Emmie Clare rất được học sinh của mình yêu quý, nhưng khi chúng tôi gặp nhau, cô vừa mới chấm dứt một cuộc tranh luận kéo dài ba tháng với các nhà quản lý của nhà trường về việc yêu cầu giáo viên nữ mặc áo dài khi lên lớp. Chúng tôi đều xem đó là một thắng lợi, vì nếu không thì áo dài đã bị biến từ một trang phục 'truyền thống' thành một sự gò bó, bất tiện."

Visitors to Việt Nam have used all sorts of adjectives to express their admiration for the traditional tunic worn by Vietnamese women. Because the *áo dài* is close-fitting, it becomes slender women, as most young Vietnamese women are. It is like Raymond de Dalmas' description of the kimono as "perfectly suitable for the Japanese women's particular beauty and making them appear even more lovely." Yet we don't often meet women wearing kimonos in Tokyo's streets, perhaps because the garment is not appropriate for work. For the same reasons, we rarely meet Hanoian women wearing *áo dài*s in the streets.



Western women, who are generally less slender than the Vietnamese, love the *áo dài* but rarely wear one because they feel uncomfortable. As Edie Schule notes in her memoir, *Earth and Water*, "Emmie Clare was immensely popular with her students, but when we met, she had just ended a three month tussle with school administrators over their requirement that female teachers wear *áo dài* to work. We all considered this a victory since the *áo dài* has been transformed from a piece of 'traditional' attire into an uncomfortable, inconvenient form-fitting burden."

Chiếc áo dài đã phát triển qua thời gian như thế nào?

Trong số các yếu tố để phân biệt các dân tộc trên thế giới với nhau có ngôn ngữ, nhà cửa và trang phục. Theo cuốn *Việt Nam Phong tục* của học giả Việt Nam Phan Kế Bính thì: "hầu hết trang phục của chúng ta đều là bắt chước của người Trung Hoa từ đời Đường."



Văn hóa Việt Nam chịu ảnh hưởng của văn minh Trung Hoa trong suốt một nghìn năm người phương Bắc (Trung Hoa) đô hộ Việt Nam. Trang phục triều đình (mũ măng, trang phục, thắt lưng, quần áo, hài ủng) và đồng phục binh lính thời cổ (mũ, áo giáp, quần áo, giày ủng) đều phản ánh sự ảnh hưởng này. Tuy nhiên, sự hiện diện của người Trung Hoa không gây ảnh hưởng gì đến phục trang của tầng lớp bình dân, nhất là "áo tứ thân" bốn mảnh truyền thống của phụ nữ. Áo tứ thân là tiền thân của áo dài. Áo tứ thân không giống như áo choàng của phụ nữ Trung Quốc mà là loại váy dài, không có tay áo, không có quần và xẻ dài xuống đầu gối.

How has the áo dài *developed through time?*

Among the factors differentiating the world's peoples are language, housing, and dress. According to Vietnamese scholar Phan Kế Bính's *Vietnamese Customs*, "most of our dress since the Tang Dynasty has imitated the Chinese."



Chinese civilisation influenced Vietnamese culture during the thousand years the Northern (Chinese) people dominated Việt Nam. Court dress (headwear, clothes, belt, garments, boots) and ancient military uniforms (hats, armour, clothes, shoes) reflect this influence. However, the Chinese presence did not affect civilian clothing for the common people, particularly the women's robe called "*áo tứ thân*" or "four-panelled traditional dress." *Áo tứ thân* is the forerunner of the *áo dài*. It does not look like a Chinese woman's robe; instead, it is a long, sleeveless dress without trousers but split up to the knees.

Áo tứ thân xuất hiện từ bao giờ?

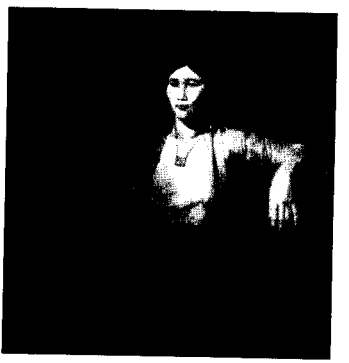


Đến nay vẫn chưa biết có tài liệu nào ghi chép về sự xuất hiện của áo tứ thân. Nhưng có lẽ áo tứ thân ra đời từ khi người Việt Nam học trồng bông, quay sợi, dệt những tấm vải nhỏ rộng cỡ 30-40 cm trên chiếc khung cửi thô sơ. Cũng có thể áo tứ thân xuất hiện khi người Việt Nam học trồng dâu, nuôi tằm, quay tơ, rồi dệt ra các loại vải mỏng và mịn như nhiễu, sa, hay lụa.

Áo tứ thân truyền thống là loại áo dài bằng sa hoặc bằng lụa mặc bên ngoài một chiếc áo cánh màu trắng hoặc vàng. Áo tứ thân gồm bốn miếng vải hẹp chạy dọc thân người. Hai vạt buộc lại với nhau ở thân sau chùng xuống tận gót chân. Hai vạt ở thân trước buộc với hai vạt thân sau ở chỗ eo thành một búi, bên ngoài thắt một chiếc dây lưng màu xanh lá cây, hồng hoặc vàng. Áo tứ thân thường bằng sa màu nâu, đen hoặc gỗ mun.

Phụ nữ đi trảy hội xuân thường mặc áo mớ ba, gồm ba lớp: lớp ngoài bằng sa màu đen hoặc nâu, hai lớp trong thường màu vàng nhạt, cánh sen hoặc xanh da trời. Ngày xưa, phụ nữ cũng mặc váy, nhưng sau đó họ chuyển sang mặc

When did the *áo tứ thân* appear?



No known document records this garment's emergence. However, its appearance is likely tied to when Vietnamese learned to plant cotton, spin, and weave 30-40 centimeter broad cloth on a rudimentary loom. Also, it may come from when they learned to plant mulberry, raise silkworms, spin, and then weave thin, soft cloth such as crepe, gauze, and fine, thin silk.

The four-panelled traditional dress is a gauze or silk robe worn over a white or yellow shirt. The robe consists of four narrow pieces of fabric that run the length of the body. Two pieces are joined at the back down to the heel. The front two pieces are joined with the two back pieces down to the waist and then tied together into a knot under a green, pink, or yellow belt. The robe is usually brown, black, or ebony gauze.

Women attending spring festivals often wear an *áo mớ ba*, which is a set of three robes: the outer one is black or brown gauze, while the two inner ones are either light yellow, lotus-coloured, or sky blue. In the old days, women wore skirts,

quần lụa sồi thâm hoặc quần sa tanh đen. Một số phụ nữ mặc quần nhiễu đỏ.

Bài thơ đầu thế kỷ 20 sau dây khắc họa hình ảnh một cô thanh nữ trong bộ áo tứ thân truyền thống:

Khăn nhỏ, duôi gà cao,
Lưng deo dải yếm đào,
Quần lĩnh, áo the mới,
Tay cầm nón quai thao.
Mẹ cười: "Thầy nó trông!
Chân đi dôi dép cong,
Con tôi xinh xinh quá!
Bao giờ cô lấy chồng?"

Bài thơ "Đi chùa Hương" của Nguyễn Nhược Pháp

Phong trào cải cách thời trang đã diễn ra ở Hà Nội trong suốt khoảng giữa thế kỷ 20 khi Việt Nam vẫn còn nằm dưới sự thống trị của người Pháp. Nam giới bắt đầu mặc đồ Tây, phụ nữ mặc áo dài hiện đại, cách tân từ áo tứ thân. Phụ nữ Hà Nội chấp nhận khuynh hướng thời trang mới và dùng lụa của Pháp, đặc biệt là màu đỏ, tím, và loại lụa mỏng, mềm của Ấn Độ để may những chiếc áo dài tân thời, rực rỡ.

Phong trào cải cách này cũng ảnh hưởng đến những cô gái nông thôn. Tuy nhiên, nhiều người phản đối mạnh mẽ những thay đổi này, trong đó phải kể đến nhà thơ Nguyễn Bính:

Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng,

but later they had pants made of black coarse silk or black satin; some women wore red crepe.

This poem from the first half of the 20th century gives an image of a girl in her traditional dress:

A small turban, the hanging tail still high,
This morning I wear peach yếm *straps*
Satin pantaloons, a blouse of new silk gauze,
And carry a flat palm hat with fringes.
My mother smiles: "Father, Look!
On her feet, sandals with curved tips.
Our daughter is beautiful, beautiful,
When will she be wed?"

"Perfume Pagoda" by Nguyễn Nhược Pháp

A fashion reform occurred in Hà Nội during the midtwentieth century, while Việt Nam was still under French domination. Men began to dress in Western style, and women began to wear a modern robe that was a renovated *áo tứ thân*. Hà Nội women welcomed the new fashion and used French silk — particularly dark red and violet — and soft, thin Indian cloth to make the colourful, modern *áo dài*.

The reform movement also affected girls in the countryside. However, many people strongly opposed the changes, including the poet Nguyễn Bính.

With your velvet turban, your rustling satin pants,

Áo cài khuy bấm em làm khổ tôi!

Nào đâu cái yếm lụa sồi?

Cái dây lưng dũi nhuộm hồi sang xuân?

Nào đâu cái áo tứ thân?

Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?

- Bài thơ Chân quê của Nguyễn Bính

Ngày nay phụ nữ chỉ mặc áo tứ thân trong những ngày hội, khi hát dân ca và hát đối trên sân khấu, hay những khi diễn những vở chèo, như vở *Quan Âm Thị Kính* chẳng hạn. Mặc dù có nhiều loại áo dài cách tân, song áo tứ thân vẫn là cơ sở cho chiếc áo dài hiện đại duyên dáng ngày nay. Muốn tìm hiểu thêm về lịch sử của áo tứ thân, xin mời đến Bảo tàng Lịch sử gần Sông Hồng hoặc Bảo tàng Dân tộc học nằm ở phía tây Hà Nội.

Áo dài đã thách thức Nho giáo như thế nào?

Văn hóa Nho giáo truyền thống đề cao cộng đồng xã hội và gia đình. Phụ nữ không được xem là những cá thể mà chỉ là những công cụ để duy trì nòi giống. Bổn phận của người phụ nữ là làm vợ và làm mẹ. Phụ nữ không cần phải làm dáng, không cần phải quần quần, áo áo điệu đàng hay trang điểm gì cả, nhất là sau khi đã lấy chồng. Trang phục của phụ nữ đoan chính thật giản dị, không để lộ những đường cong quyến rũ của cơ

Your modern áo dài, *Dear, you make me unhappy!*

Where is your yếm *of floss silk?*

Where is the silk belt that you dyed last spring?

Where is your four-panelled dress?

Your black scarf, your trousers of black, raw silk?

- "Country Folk" by Nguyễn Bính

Nowadays, women wear the traditional four-panelled dress only on festival days and to sing folk songs and love duets on stage or perform in plays such as the *chèo* opera, *Quan Âm Thị Kính* (*The Goddess of Mercy*). Today, although there are many types of renovated *áo dài*, the *áo tứ thân* is the basis of the graceful modern *áo dài*. To learn more about the garment's history, visit the History Museum near the Red River or the Museum of Ethnology in western Hà Nội.

How did the áo dài *challenge Confucius?*

Traditional Confucian culture extolled community and family. Women were not considered as individuals but only as instruments for perpetuating the family lineage. The woman's duty was as wife and mother. She had no need to show herself by wearing fancy clothes or using make-up, especially after marriage. A serious woman's dress was modest and did not display the graceful curves of her

thể, nhất là ngực và mông. Có em thiếu nữ còn bó ngực để giảm sự chú ý và để không bị mang tiếng là khêu gợi. Ngay cả từ "vú" cũng bị xem là tục và cấm không được nói đến trong cuộc trò chuyện nghiêm túc.

Áo dài với những nét đẹp thẩm mỹ của nó đã xóa bỏ những cấm kỵ của Nho giáo bởi nó thay thế tinh thần cộng đồng của Nho giáo bằng chủ nghĩa cá nhân của phương Tây, vì khi một người phụ nữ mặc áo dài chính là khẳng định được mình có một bản sắc riêng.

fb.com/ebook.sos

Áo tứ thân phát triển thành áo dài hiện đại như thế nào?

Trước đây, phụ nữ mặc áo tứ thân khi không phải đi làm đồng. Phụ nữ thành phố mặc áo tứ thân vào các dịp lễ hội hoặc các dịp trang trọng hay khi đi lễ chùa. Chiếc áo tứ thân truyền thống mỗi nơi một vẻ.

Bắc Bộ và Trung Bộ có nhiều kiểu áo tứ thân, trong đó phải kể đến một loại không cài khuy với hai vạt trước dài bằng nhau thả lỏng và một loại có vạt trước buộc với nhau, mặc bên ngoài chiếc yếm che cổ cho thêm phần nhã nhặn. Áo tứ thân năm mảnh là loại áo dài không khuy có vạt ngoài bên trái rộng gấp hai lần vạt trong bên phải. Áo này phải có dây lưng để tránh vạt áo không chùng xuống quá thấp.

body, especially her breasts and buttocks. Some teenage girls even wrapped their breasts to diminish attention and to avoid being considered coquettish. Even the word *"vú"* (breast) was considered vulgar and banished from decent conversation.

The *áo dài*, with its aesthetics, abolished such Confucian taboos by replacing the Confucian spirit of community with Western individualism, for a woman in an *áo dài* asserted herself as someone with an independent identity.

How did the traditional tunic evolve into the modern áo dài*?*

Women wore the traditional Vietnamese tunic when they were not working in the fields. Urban women wore the garment for festive or solemn occasions or when they went to the pagoda. The traditional tunic differs from one region to another.

The north of Việt Nam (Bắc Bộ) and Central Việt Nam (Trung Bộ) have many tunics, including an unbuttoned one with two front flaps of equal length that hang freely and one with front flaps tied together and worn over a bodice that covers the neck for modesty's sake. A five-piece unbuttoned tunic has an outer, larger flap on the left side that is twice as broad as the inner flap on the right; a belt keeps the flaps from hanging too low.

Áo tứ thân rất phổ biến ở vùng Kinh Bắc – một khu vực có nền văn hóa truyền thống nằm ở phía bắc Sông Hồng bao gồm tỉnh Bắc Ninh và một phần tỉnh Bắc Giang. Áo tứ thân thường mặc bên ngoài hai lớp áo khác, nên gọi là "áo mớ ba". Khi đi lễ chùa vào mùa xuân phụ nữ mặc áo mớ ba với lớp áo ngoài cùng bằng sa. Lớp sa này có màu đen, nâu hoặc tím hoa cà. Hai lớp áo trong có màu ngà, hồng cánh sen, vàng, hoặc xanh da trời. Áo mớ ba có cổ áo tròn, vạt áo thẳng, tay áo bó. Áo được đơm khuy từ eo lên đến dưới cánh tay, còn từ đó lên đến cổ không đơm khuy. Cổ áo được hạ thấp xuống, để lộ một phần những lớp áo màu bên trong.

Khi các chúa Nguyễn vào định đô ở miền Trung (thế kỷ 17), chiếc áo tứ thân đã tiếp nhận một số ảnh hưởng của các loại áo dài trong văn hóa Chăm và được cải biến thành áo dài Việt.

Cuộc cách tân bắt đầu từ khi nào?

Áo dài "tân thời" xuất hiện vào những năm 1930, nhưng phụ nữ nông thôn vẫn mặc áo tứ thân.

Một số người cho rằng áo dài tân thời xuất hiện đầu tiên ở Nam Bộ vì đây là khu vực bị Pháp đô hộ đầu tiên và là thuộc địa do Pháp trực tiếp cai trị. Người Việt Nam ở Nam Bộ là những người đầu tiên mặc quần áo Âu hóa. Phong trào Âu hóa sau đó lan ra miền Bắc, khi ấy còn

The four-flapped tunic was very popular in Kinh Bắc, a region of traditional culture north of the Red River and including Bắc Ninh Province and part of Bắc Giang Province. This tunic, often worn over two others, is called the "three-piece dress;" women wear its third part made of gauze when going on pilgrimages in the spring. The gauze outer tunic is black or brown or dark violet; the two inner tunics are ivory, lotus-pink, yellow or sky-blue. The collar is round; the flap, straight; and the sleeves, tight. The tunic is buttoned from the waist up to under the arm, but from there to the neck, it is left unbuttoned; the collar is turned down to show a part of the coloured inner tunics.

When the Nguyễn lords settled in Central Việt Nam in the 17th century, this tunic was influenced by the long dresses of the Chăm culture. Because of this influence, the four-flapped tunic became the *áo dài*.

When did the reform begin?

The "modern" tunic came in during the 1930s, although Vietnamese women in the countryside still wore the traditional tunic.

Some people believe the *áo dài* must have first appeared in the South (Nam Bộ) because this region was the first under French domination and was a colony directly under French administration. The Vietnamese there were the first to wear Westernized clothes.

thuộc sự bảo hộ của Pháp. Ngoài ra, miền Bắc có truyền thống văn hóa Hán-Việt đã được hình thành trong 2.000 năm, còn văn hóa Việt Nam ở miền Nam chỉ mới có vài trăm năm tuổi.

Nhiều người khác lại cho rằng áo dài tân thời xuất hiện ở miền Bắc, do họa sĩ Cát Tường biệt danh là Le Mur thiết kế. Le Mur là dịch nghĩa đen của chữ Tường sang tiếng Pháp. Vì thế áo dài mới có tên là áo dài Lemur. Cát Tường hẳn là đã bán các mẫu áo dài tại tiệm may của mình.

Nhưng những người khác lại cho rằng áo dài cách tân là do một người Việt Nam thiết kế và xuất hiện lần đầu tiên tại Paris năm 1921.

Như vậy có thể rút ra hai kết luận về nguồn gốc của áo dài hiện đại:

1) Nhu cầu hiện đại hóa trang phục phụ nữ ở Việt Nam và phương Tây xuất hiện vào cùng một thời điểm.

2) Nhu cầu này được thể hiện trên báo chí, tạo ra một phong trào rộng rãi nhờ công của hai tạp chí *Phong Hóa* và *Ngày Nay*, đều thuộc nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Mặc dù thời trang mới có thể xuất hiện sớm hơn ở nơi khác, nhưng những bài viết tích cực và hiệu quả trong *Phong Hóa* và *Ngày nay* mới giúp quảng bá áo dài hiện đại.

Các họa sĩ được đào tạo tại Trường Cao Đẳng Mỹ thuật Đông Dương của Pháp đã cải biên áo tứ thân bốn, năm mớ thuở trước để làm nổi bật thân hình người phụ nữ. Họ rút bớt số vạt áo xuống

Westernization came later to the North, which was a protectorate. In addition, the North had a Sino-Vietnamese traditional culture that had been established for two thousand years while the Vietnamese culture in the South was only several hundred years old.

Others think the modern *áo dài* appeared in the North, as designed by Cát Tường, a painter whose pseudonym, Le Mur, is the literal French translation of his name, Tường (the Wall). For that reason, the new tunic was called the "Lemur dress." Cát Tường could easily sell his designs at his dressmaking business.

Yet still others believe that a Vietnamese designed the modernized tunic, which first appeared in Paris in 1921.

We can probably draw two conclusions about the origin of the modern *áo dài*:

1) The need to modernize women's dress appeared at about the same time in Việt Nam as in the West.

2) This need found expression in the press, which created a popular movement. Credit goes to two reviews, *Phong Hóa* and *Ngày Nay*, both of which belonged to the *Tự Lực Văn Đoàn* Group. Although the new fashion may have appeared earlier in another place, the active and efficient writing in *Phong Hóa* and *Ngày Nay* popularized the modem *áo dài*.

Painters educated in the French Indochina College of Fine Arts transformed the former tunic

còn hai, một ở đằng trước, một ở đằng sau và bỏ đi cái dây lưng. Áo dài kiểu mới có khuy và ngắn hơn, chỉ dài quá đầu gối một chút. Tay áo được nới rộng hơn để khí huyết dễ lưu thông. Cổ áo được nâng lên cao hơn hoặc hạ xuống một chút. Chiếc áo lót bó sát hơn thay cho chiếc yếm. Quần mềm thay cho váy, ôm sát mông hơn, thanh thoát chùng xuống mắt cá chân.

Áo dài hiện đại được phổ biến rộng rãi vào năm 1934. Trước đó, chỉ có những phụ nữ lấy chồng Pháp mới dám mặc những loại quần áo thời trang kiểu như vậy và không nhuộm răng đen. Dần dần, lớp phụ nữ từng được đào tạo tại các trường Pháp - Việt cũng thích mặc các loại quần áo kiểu mới, trong đó phải kể đến các cô giáo, nữ y tá, nữ hộ sinh và nữ sinh.



Có hai xu hướng đối lập nhau. Những người bảo thủ coi mốt áo dài mới là không đứng đắn, còn những người tiến bộ thì cho rằng phụ nữ thời hiện đại phải bắt kịp với nhịp sống hiện đại. Cuối cùng thì những người tiến bộ thắng thế.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp nổ ra ngay sau Cách mạng tháng 8 năm 1945, chỉ phụ nữ ở các thành phố do Pháp tạm chiếm mới mặc áo dài. Sau trận Điện Biên Phủ, Hiệp định Geneva chia cắt đất nước thành hai miền.

with the four or five flaps to show off the woman's figure. They reduced the number of flaps to two, one in the front and the other in the back and discarded the belt. The new tunic was buttoned and shorter, hanging a little lower than the knees; the looser sleeves allowed blood to flow more freely; the collar was higher or turned down. A tighter bodice replaced the looser Vietnamese bra or *yếm*. Supple trousers replacing the skirt covered the buttocks more tightly before making a graceful descent to the ankles.

The modern *áo dài* was widely popularized in 1934. Before, only women married to Frenchmen dared to wear such fashionable clothes and leave their teeth unblackened. Little by little, the new clothes won the favour of women who had been educated in Franco-Vietnamese schools, including female teachers, nurses, and midwives, and the school girls themselves.



Two trends opposed each other. The conservatives considered the new mode of dress immodest; in contrast, the progressives thought women must catch up with modern times. In the end, the progressives won.

During the War of Resistance Against France, which began shortly after the August Revolution of 1945, only women in towns temporarily occupied by the French wore *áo dàis*. After the

Chiến tranh của Mỹ nổ ra sau đó. Áo dài tiếp tục phát triển ở miền Nam. Tuy nhiên, áo dài không thích hợp với cuộc sống khó khăn ở miền Bắc dưới bom đạn của Mỹ. Ở miền Bắc phổ biến là áo cánh. Phụ nữ miền Bắc chỉ mặc áo dài vào những dịp trang trọng và khi đi ra nước ngoài.

Sau khi hòa bình lập lại năm 1975, đất nước thống nhất, áo dài khôi phục lại vai trò và vị trí của nó trên khắp đất nước. Thời trang của phụ nữ bắt đầu phát triển khá mạnh từ khi nhà nước áp dụng chính sách đổi mới vào cuối những năm 1980. Thời trang phương Tây, nhất là váy và quần bò bắt đầu cạnh tranh với áo dài. Tuy nhiên, những năm gần đây, các nhà thiết kế thời trang và những người đẹp tham gia các cuộc thi hoa hậu đã chú ý đến áo dài. Các mẫu thiết kế áo dài đã đoạt được những giải thưởng quốc tế và áo dài càng ngày được ưa chuộng hơn. Áo dài đã duy trì vai trò của nó như là một biểu tượng của Việt Nam.

Trước áo dài, phụ nữ Việt Nam phục trang như thế nào để tôn lên vẻ đẹp của mình?

Một câu ca dao Việt Nam nói rằng:

Ba cô đội gạo lên chùa

Một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư.

Một câu ca dao khác kể về một cô gái cứ nuôi hy vọng rằng:

Ước gì sông rộng một gang

Bắc cầu dải yếm cho chàng sang chơi.

Battle of Điện Biên Phủ, the *Geneva Accords* divided the country into two regions; then the American War broke out. The *áo dài* continued to develop in South Việt Nam. However, it was not a suitable garment for life under American bombs in the impoverished North; there, blouses were popular. Women wore *áo dàis* only for formal events and when travelling abroad.

After peace was reestablished in 1975 and the country was reunified, the *áo dài* recovered its role and position across the country. Women's fashion began to develop markedly after application of the policy of renewal at the end of the 1980s. Western fashions — especially skirts and jeans— began to compete with the *áo dài*. However, in recent years, fashion designers and contestants in beauty contests have paid attention to the *áo dài*. Designs for the *áo dài* have won international prizes, increasing its esteem. And, the *áo dài* has secured its place as a symbol of Việt Nam.

Before the áo dài, what did Vietnamese woman wear to make themselves beautiful?

A Vietnamese folk verse tells us:

Three young girls carry baskets of rice on their heads

to the pagoda,

But the girl wearing the beautiful yếm *bra charms the monk.*

Another folk verse tells of a girl who nourishes the following hope:

Các bức chạm khắc gỗ tại một số ngôi đình làng ở Việt Nam xây dựng hồi thế kỷ 17, 18 có hình ảnh các cô gái Việt mặc yếm đang múa để lộ mờ mờ những đường cong thây lẩy quyến rũ của bộ ngực. Trong một vở chèo có nhân vật Thị Mầu rất thích ve văn đàn ông. Một hôm, đi lễ chùa làng về, thị buông một tiếng "không" đầy khiêu khích với tên người ở thế này:

Gió xuân tốc dải yếm đào,

Anh trông thấy oản sao không vào thắp hương!

Ngày xưa khi một chàng trai yêu một cô gái và muốn cô để ý đến tình yêu của mình, chàng sẽ chạm vào tay cô gái. Cô gái tỏ ý chấp nhận tình yêu của chàng trai bằng cách để cho chàng chạm vào tay mình, và qua đó chàng trai biết mình đã đi được nửa chặng đường chinh phục cô gái. Chỉ khi chạm được vào dải yếm của cô gái, chàng trai mới hoàn toàn chinh phục được cô gái.

Chiếc yếm Việt Nam xuất hiện lần đầu từ rất xa xưa, nhưng hình hài phổ quát ngày nay của nó thì đã có từ đời Nhà Lý. Từ năm 1802, yếm là một miếng vải vuông, hai góc buộc với nhau ở phía trên ngực phụ nữ. Phụ nữ con nhà quý tộc mặc yếm mặt trước có dải dây tết. Lúc làm việc phụ nữ thường mặc yếm cổ tròn. Thời ấy còn có yếm "cổ xẻ" và yếm xẻ dọc xuống dưới gọi là "yếm cánh nhạn".

Đến năm 1920, các cô nàng đỏm dáng thích mặc yếm tươi sáng xẻ xuống gần ngực. Các cô

If only the river could be as wide as the span of my hand

And my yếm's ribbon, a bridge for you to come see me.

The wood carvings at some communal houses built during the seventeenth and eighteenth centuries show young female dancers wearing Vietnamese *yếm* that vaguely show the outline of their surging, beautiful breasts. In a traditional *chèo* opera, Thị Màu likes to flirt with men. One day after returning from the village pagoda, she gives her servant a provocative "No!"

The spring wind has lifted my peach yếm,

You saw the rice-cake cones beneath,

Why not come light the incense?

In the old days, when a boy fell in love with a girl and wanted her to consider his love, he would touch her hand. She communicated acceptance of his love by allowing him to touch her hand, and he then knew he had covered half the ground to conquer her. He had completely conquered her only when he could touch her *yếm* ribbon.

The Vietnamese *yếm* first appeared in ancient times, but the general shape it has today dates from the Lý Dynasty. Since 1802, the *yếm* has been a square piece of cloth with two of the corners above the woman's breasts. The front of *yếm* worn by aristocratic women had braided ribbons. Working women usually wore a round-collar yếm. At that time, there was also a "split-collar *yếm*" and an *yếm* with the split plunging

gái trẻ hay thích các màu nhẹ như màu xanh trong, da trời, hồng nhung, còn các phụ nữ trung niên lại mặc các màu sẫm hơn. Phụ nữ đi làm mặc yếm màu nâu nhạt hoặc nâu sẫm. Họ buộc yếm từ bốn góc vải, hai góc buộc ra đằng sau cổ và hai góc buộc ở chỗ eo. Lúc làm việc họ buộc chặt, lúc nghỉ ngơi nới lỏng, đôi khi rất lỏng.

Các góc trên cùng của yếm được viền bằng ba đường chỉ khâu để yếm bền và đẹp hơn. Có cô còn thêu hoa vào chỗ cổ yếm và trang trí dải yếm bằng một màu sắc nào đó để tôn lên vẻ đẹp của cả chiếc yếm. Nhiều cô khâu vào dải yếm một cái túi thơm nho nhỏ để gây chú ý của các chàng trai hâm mộ. Có cô thỉnh thoảng còn buộc mấy miếng trầu vào dải yếm để dành cho người yêu.

Bên ngoài yếm, phụ nữ mặc một chiếc áo cánh trắng không cài cúc. Màu trắng làm nổi bật sự tương phản rõ rệt với màu vàng thẫm hoặc đỏ thẫm của yếm. Khi ra ngoài, họ mặc váy bằng satanh đen hoặc lụa sồi dài chấm đất và một chiếc áo dài bên ngoài và thắt dây lưng màu vàng, hồng nhung hoặc xanh lá cây. Họ còn buộc vào một bên dây lưng một cái xà tích bằng bạc, một ống vôi và một con dao nhỏ để bổ cau. Hầu hết phụ nữ đều đi dép.

Các cô gái rẽ ngôi giữa hoặc ngôi lệch và vấn tóc trong khăn lụa đen hoặc nhung đen, chỉ chừa lại một lọn tóc cho rủ xuống một bên mặt. Cô nào không vấn khăn thì vấn tóc và cài chiếc lược con con. Đi lễ hội các cô đội nón hẹp vành để thêm

downwards and called a "swallow-winged *yếm*."

By 1920, coquettish girls liked colourful *yếm* with the split plunging near their breasts. Young girls liked light colours such as aqua, sky-blue, and rose, whereas middle-aged women wore darker colours. Working women wore light brown or dark brown *yếm*. Women tied four long strips of cloth, two at each side tie the *yếm*, together at the back of the neck and at the waist. They tied the strips firmly when working but loosely during times of leisure, and sometimes, very loosely.

The top comers of the *yếm* had three stitched lines to make the collar more durable and more beautiful. Some women embroidered flowers at this spot. They decorated the ribbons in a colour that complemented the rest of the *yếm*. Some women would sew a tiny bag of perfume onto the ribbons to turn the heads of their admirers. Girls sometimes attached betel quids for their lovers to their *yếm* ribbons.

Women wore an unbuttoned white shirt over the *yếm*. The white contrasted with the deep yellow or dark red of the *yếm*. When outside the house, they wore skirts of floor-length black satin or coarse silk and an outer robe as well as belts that were yellow, rose, or green. They might attach to one side of the belt a silver chain with a lime-pot and a small knife to cut areca nuts. Most women wore sandals.

They parted their hair in the middle or the side and wrapped it in a turban made of black silk or black velvet, leaving a lock of hair hanging at one side of the face. Women who didn't wear

phần duyên dáng. Những phụ trang này rất hài hòa với chiếc yếm làm phụ nữ trông duyên dáng hơn, dễ thương hơn và gần với thiên nhiên hơn.

Ngày nay thi thoảng yếm vẫn còn được mặc trong các lễ hội truyền thống và biểu diễn văn nghệ vì cả du khách nước ngoài lẫn người Việt Nam đều trân trọng vẻ đẹp của nó.

Hình rồng bay trên áo dài tượng trưng cho điều gì?

Trong thần thoại và văn hóa dân gian phương Tây, rồng thường là một con quái vật và là biểu tượng của cái ác. Nhiều họa sĩ phương Tây lấy rồng để mô tả cuộc đấu tranh bất tận giữa cái thiện và cái ác. Chẳng hạn Tổng lãnh Thiên thần Mi-ca-en, người đã đạp bằng quỷ dữ, hay trong nhiều câu chuyện khác, một vị hiệp sĩ dũng cảm quần thảo với con rồng và hoặc là bị nó nuốt chửng hoặc là hân hoan chiến thắng trở về.

Ở các nước châu Á thì ngược lại, rồng được tôn sùng là con vật linh thiêng. Người Việt Nam tự hào là con rồng, cháu tiên. Rồng đến từ dưới biển, tiên đến từ trên trời. Rồng và tiên đem lòng yêu nhau rồi lấy nhau. Sau đó, tiên có mang rồi sinh ra một bọc trăm trứng, nở ra một trăm người con trai. Năm mươi người theo cha trị vì vùng biển, 50 người theo mẹ lên ngàn chinh phục núi non. Trong số 100 người con trai, một người sau này lập ra nhà nước Lạc Việt. "Lạc Việt" chính là tên của nước Việt Nam thời xưa.

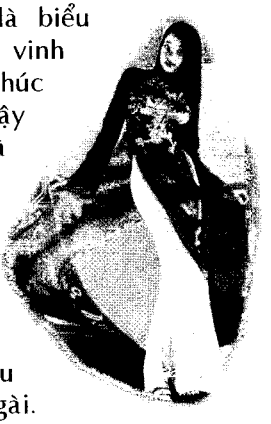
a turban rolled their hair with a small comb. Girls attending festivals wore hats with a narrow rim to be more graceful. These accessories harmonized with the *yếm* to make women seem graceful, sweet, and closer to Nature.

The *yếm* remains in occasional use today at traditional festivals and performances, for foreign tourists and Vietnamese alike value its beauty.

What does a flying dragon on the áo dài *represent?*

The dragon in Western myth and folklore is often a monster and a symbol of evil. Many Western artists have used the dragon to depict the on-going struggle between good and evil. For example, Saint Michael who defeats the devil, and in many stories a gallant knight duels with a dragon and either dies in the depths of the dragon's teeth or returns home victorious.

In contrast, in Asian countries the dragon is revered as a sacred animal. The Vietnamese people are proud to be descendants of a dragon and a fairy. The dragon came from the ocean and the fairy from the heavens. They fell in love with each other and married. Later, the fairy became pregnant and gave a birth to one hundred eggs, from which one hundred sons emerged. Fifty sons followed the father to rule the regions near the sea, while the mother took the other fifty sons to conquer the mountains. One of their sons founded the country of Lạc Việt. "Lạc Việt" is the name of ancient Việt Nam.



Ở Việt Nam, rồng là biểu tượng của quyền lực, vinh quang, may mắn, hạnh phúc và thịnh vượng. Và như vậy rồng có thể xua duổi tà ma. Chẳng hạn, nằm mơ thấy rồng hay cảm thấy sự hiện diện của thần rồng là một điềm lành. Dưới thời phong kiến, chỉ có vua được sử dụng hình rồng, là biểu tượng quyền lực của ngài. Trên hoàng bào của vua thường được trang trí hình rồng để thể hiện số phận của rồng gắn với số phận của vua.

Năm 1010, Vua Lý Thái Tổ (914 - 1028) lập nên triều Lý và quyết định dời đô từ Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình (miền Bắc) về Thăng Long, Hà Nội ngày nay. "Thăng Long" nghĩa là rồng bay. Vua đặt tên cho kinh đô mới là Thăng Long sau khi trông thấy một con rồng bay lên từ nơi định đô mới. Năm 2010, nhân dân Hà Nội sẽ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội với một lễ hội các hoạt động văn hóa.

Cội Nguồn sâu xa của con rồng trong đời sống tinh thần của người Việt tạo cho nó một vai trò truyền thống và linh thiêng trong nền văn hóa Việt Nam. Trải qua thời gian, hình ảnh con rồng trở thành mô-típ trang trí phổ biến trên áo dài. Các nhà tạo mẫu đã thêu, vẽ để tái tạo tinh thần rồng, tăng thêm cho áo dài vẻ sang trọng, vừa hiện đại vừa cổ kính.



In Việt Nam, the dragon is a symbol of power, glory, luck, happiness, and prosperity. As such, it can ward off evil spirits. For example, dreaming of a dragon or feeling the presence of a dragon spirit is a good omen. During feudal times, only the king could use this image, which was a symbol of his power. The dragon motif often decorated the king's clothes to show that the dragon's destiny was intertwined with the king's.

In 1010, King Lý Thái Tổ (914 - 1028) established the Lý Dynasty and decided to move the capital of his kingdom from Hoa Lư in northern Ninh Bình Province to Thăng Long, present-day Hà Nội. "Thăng Long" means "rising dragon." The king named the city after seeing a dragon ascend from the new site. In 2010, Hanoians will celebrate Hà Nội's 1,000th birthday with a feast of cultural activities.

The dragon's deep roots in Vietnamese spiritual life gives it a traditional and sacred role in Vietnamese culture. As time has passed, the image of the dragon has become a popular motif of adornment on *áo dài*s. Fashion designers have used embroidery and paint to replicate the spirit of the dragon, adding to the *áo dài*'s elegance and tying its modern style to antiquity.

Một trong những bài hát phổ biến nhất về áo dài là bài nào?

Đó là bài *"Tà áo xanh"* của Đoàn Chuẩn – Từ Linh (1955).

Gió bay từ muôn phía,
tới đây ngập hồn anh,
rồi tình lên chơi vơi.
Thuyền anh một lá ra khơi,
về em phong kín mây trời
đêm đêm ngồi chờ sáng, mơ ai.

Mộng nữa cũng là không!
ta quen nhau mùa thu,
ta thương nhau mùa đông,
ta yêu nhau mùa xuân,
để rồi tàn theo mùa xuân.
người về lặng lẽ sao đành?

Anh còn nhớ em nói rằng:
"Sao mùa xuân lá vẫn rơi?
Sao mùa xuân lá vẫn bay?"
Em ơi, có hoa nào không tàn?
có trời nào không mây?
có tình nào không phai?

Em còn nhớ anh nói rằng:
"Khi nào em đến với anh,
xin đừng quên chiếc áo xanh".
Em ơi, có đâu ngờ đến rằng
có màu nào không phai
như màu xanh ái ân?

What is one of the most popular songs about the áo dài?

The *"The Blue* Áo Dài" by Đoàn Chuẩn – Từ Linh (1955).

The wind blows in from all directions,
Arriving to flood my soul,
Awakening it.
My boat is but a leaf floating out to sea,
Returning to you, hidden, sealed like clouds in the sky
Waiting night after night for dawn, dreaming of someone.

Yet more dreaming comes to naught!
We met in autumn,
Courted in winter,
Loved in spring,
And ended it that spring.
One left for home — how was that tolerable?

I remember when you said:
"How can spring arrive, yet the leaves fall?
How can spring arrive, yet the leaves fly?"
My dear! Is there a flower that hasn't withered?
Has there ever been a cloudless sky?
Has there ever been a love that hasn't faded?

Do you remember when I said:
"When you come with me,
Please don't forget your blue áo dài."
Dear, who would suspect that
Such a color as that loving blue
Would never fade?

Rồi chiều nao xác pháo
bên thềm tản mác bay.
em đi trong xác pháo
anh đi không ngước mắt,
thôi đành em.

Lúc anh ra đi lạnh giá tâm hồn.
hoa mai rơi từng cánh trên đường.
lạnh lùng mà đi tiếc nhớ thêm chi
hoa tàn nhạc bay theo không gian.

Biết nhau để mà nhớ
nhớ nhau để sầu dâng.
tình trần ôi mong manh!
người mơ một sớm đến anh
rồi đi đi mãi cho anh sầu.
đêm đêm ngồi chờ sáng mơ ai.

Mộng nữa cũng là không.
ta quen nhau mùa thu,
ta thương nhau mùa đông,
ta yêu nhau mùa xuân,
để rồi tàn theo mùa xuân.
người về lặng lẽ sao đành?

Anh còn nhớ em nói rằng:
"Sao mùa xuân đến không vui?
Sao mùa xuân đến không tươi?
Em ơi, có trăng nào không tà?
có diều nào không bay?
có tình nào không say?

Em còn nhớ anh nói rằng:
"Tâm hồn anh dễ chóng quên

One afternoon, papers from spent fireworks
Blew past, scattering across the veranda.
You walked through the papers,
I walked, too, my eyes downcast,
Resigned to your fate.

My soul was frozen when I left.
Apricot flowers fell petal by petal on the road.
I left so coldly, I knew more regrets were useless.
Flowers wither, love dissipates.

We fall in love only to long for each other;
We long for each other only to be flooded by sorrow.
Oh ephemeral, mortal love!
The dreamer comes to me in early morning
And leaves me in sorrow.
Night after night we await the dawn,
dreaming of each other.

Yet more dreaming comes to naught.
We met in autumn,
Courted in winter,
Loved in spring,
And ended it that spring.
One left for home — how was that tolerable?

I remember when you said:
"How can spring have arrived, yet we're not happy?
How can spring have arrived, yet we're not light?"
My dear! Is there a moon that hasn't waned?
Is there a kite that couldn't fly?
Is there a love that isn't passionate?

tâm tình anh dễ chóng phai".
Em ơi, có đâu ngờ đến rằng
có tình nào không phai
như tình anh với em.

Rồi chiều nào băng giá
tâm hồn tìm đến nhau
Em mơ trong tiếng hát
Anh mơ trong nét bút đa tình sao
Trách sao hoa xưa còn có lúc tàn
Nhưng riêng anh dệt mấy cung đàn
Nhạc đời còn ghi những nét thương yêu
Hoa tàn tình tan theo không gian...

Một trong những làng dệt lụa may áo dài lâu đời nhất hiện ở đâu?

Xin mời đến làng Vạn Phúc, thị xã Hà Đông (Tỉnh Hà Tây) để thấy thế nào là làng nghề truyền thống của Việt Nam và để mua lụa cao cấp với giá rẻ bất ngờ. Vạn Phúc – trung tâm sản xuất lụa cổ truyền của Việt Nam, chỉ cách trung tâm Hà Nội 10 km trên đường ranh giới giữa thành phố và nông thôn. Làng Vạn Phúc có cả nhà máy nhỏ lẫn xưởng dệt gia đình. Phần lớn các khung cửi đều được đặt tại chỗ, choán cả các gian nhà nông thôn. Trong mấy khoảng không gian nho nhỏ luôn vang lên tiếng thoi đưa đi đưa lại lách cách.

Các sản phẩm lụa ở địa phương này có một vẻ đẹp thầm kín.

Do you remember when I said:
"My soul forgets,
My feelings fade."
Dear, I never thought
There could be a love like mine for you
That wouldn't fade.

Maybe some frozen afternoon
Our souls will seek each other —
You'll dream within the sound of a song,
And I, within my amorous lyrics.
Can you blame the flower for withering?
Alone, I'll weave a few melodies:
Music is life's record of love, telling
How flowers wither, how music diffuses....

Where is one of the oldest villages for making silk for áo dài?

Visit Vạn Phúc Village in Hà Đông Town (Hà Tây Province) for a taste of Việt Nam's traditional craft villages and also for surprisingly good bargains on high-quality silk. Vạn Phúc, traditionally the nation's silk manufacturing hub, is only ten kilometres from central Hà Nội on the border between city and countryside. The silk-production facilities in the village include both small factories and home workshops. Most of the silk looms, which fill entire rooms of local homes, are constructed on site. The noise of shuttles clacking back and forth is overwhelming in such small spaces.

The homemade products are quietly beautiful.

Theo tài liệu ghi chép của xã, Vạn Phúc bắt đầu dệt lụa từ cuối thế kỷ thứ tư và nổi tiếng với nghề này vào thế kỷ 11 khi vua Lý Thái Tổ dời đô lên Thăng Long (Hà Nội ngày nay). Nhà Vua dùng lụa Vạn Phúc để may y phục triều đình. Vào thời hoàng kim nhất của mình dưới Triều Nguyễn (1802-1945), Vạn Phúc dệt tới 70 loại lụa khác nhau như the, gấm, vân.

Ông Đỗ Văn Lợi, phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã Vạn Phúc cho biết có 1.300 hộ trong xã thì 1.000 hộ dệt lụa. Nhà nào sản xuất lớn thì có tới 20 khung cửi và 20 nhân công. Mỗi năm xã dệt được từ 800.000 đến 1 triệu mét lụa.

Trên con đường chính trong làng có khoảng 30 cửa hiệu bày bán lụa đủ loại. Lụa ở đây luôn rẻ hơn so với lụa bán ở Hàng Gai hay Hàng Bông trong khu Phố cổ Hà Nội từ 20 đến 50%, tuỳ thuộc vào cách khéo mặc cả của khách. Hầu hết các xưởng dệt nằm ở các con đường hẻo lánh hơn của xã.

Từ Hà Nội lên xã Vạn Phúc, bạn có thể đi xe đạp, xe ôm hay taxi dọc theo đường Nguyễn Trãi, đến cầu Hà Đông (ranh giới của tỉnh Hà Tây cũ). Đầu tiên rẽ phải vào đường Chu Văn An, đi tiếp 900m, bạn sẽ thấy một tấm biển lớn với dòng chữ "Làng truyền thống Vạn Phúc", bên tay phải là Đình Vạn Phúc.

According to the commune's records, Vạn Phúc started making silk in the late 4th century and was famous for the craft by the 11^{h} century, when King Lý Thái Tổ moved the capital to Thăng Long (present-day Hà Nội). He used Vạn Phúc silk for royal costumes. In its peak days under the Nguyễn Dynasty (1802-1945), Vạn Phúc produced seventy different kinds of silk, including *the* (silk with tiny holes), *gấm* (thick silk with embossed flowers), and *vân* (thin silk with woven and embossed flowers).

Mr. Đỗ Văn Lợi, vice president of the Vạn Phúc Commune People's Committee, notes that 1,000 out of 1,300 households in the commune are involved in silk production. A large manufacturer might have up to twenty looms and employ twenty workers. Each year the commune produces from 800,000 to one million metres of silk.

The main street of the village has about thirty shops with a wide range of products. Prices are anywhere from 20-50% cheaper than on Hàng Gai or Hàng Bông Streets in Hà Nội's Old Quarter, depending on your skill at bargaining. Most silk-producing workshops are in the commune's more remote streets.

To reach Vạn Phúc Commune from Hà Nội, take a bicycle, *xe ôm*, or taxi along Nguyễn Trãi Street until you reach the Hà Đông Bridge (the border of former Hà Tây Province). Take the first turn right into Chu Văn An Street. Keep going for nine hundred metres, and you will see a large sign, "Vạn Phúc Traditional Village." The Vạn Phúc Communal House will be on your right.

Một trong những cửa hiệu áo dài lâu đời nhất ở Hà Nội nằm ở đâu?

Bà Phạm Ngân An, một trong những nhà thiết kế áo dài lâu đời và nổi tiếng nhất ở Hà Nội đúng là sinh ra đã được bọc trong lụa vì đầu những năm 1930 cha mẹ bà có cửa hiệu lụa tại số 28 và số 47 Hàng Đào. Đây là một phố buôn bán sầm uất trong khu Phố Cổ Hà Nội. Cửa hiệu có tên là Hy Hoa, ghép từ tên cha và tên mẹ bà.

Mẹ bà còn được gọi là "Bà giáo Hy" vì cha bà, ông Hy là một thầy giáo làng ở ngoại ô Hà Nội. Ông Hy cũng giúp vợ buôn bán các loại vải nội địa như lụa, tơ sồi, the và thực hiện các đơn đặt hàng vải vóc từ Pháp, Anh, Trung Quốc và Ấn Độ. Khi cửa hiệu bắt đầu phát đạt, ông bà Hy Hoa mở thêm một số cửa hàng nữa cho đến năm 1946 khi cuộc kháng chiến chống Pháp nổ ra.

Bà Ngân An có chín anh chị em thì cả chín đều được đặt tên với chữ đầu là "A". Cha bà muốn tên các con mình đứng đầu danh sách lớp của các giáo viên để chúng cảm thấy tự tin hơn trong học tập.

Tuy gia đình khá giả và có nhiều người giúp việc, nhưng bà Ngân An cùng với bốn chị mình đã được học nấu ăn và may vá từ nhỏ. Bà nhớ lại, năm lên 6, cha mẹ cho bà đến trường tư thục Mai Anh để học nấu ăn và may quần áo. Dường như bà sinh ra đã có năng khiếu bẩm sinh về may vá nên tài năng của bà phát triển rất nhanh.

Where is one of Hà Nội's oldest* áo dài *shops?

Ms. Phạm Ngân An, one of the most famous and experienced *áo dài* designers in Hà Nội, was born and wrapped in silk, for her parents ran a silk shop during the early 1930s at 28 and 47 Hàng Đào, a busy trading street in Hà Nội's Old Quarter. The shop was called Hy Hoa, a compound name made from her father's and mother's given names.

Her mother was also called "Madam Scholar Hy" because her father, Mr. Hy, was a village teacher in the outskirts of Hà Nội. Ms. Ngân An's father also helped her mother trade in local cloths such as silk, floss silk, and gauze and assisted with orders of material from France, England, China, and India. As the Hy Hoa Shop began to grow, Ms. An's parents opened more shops until 1946, when the Resistance War Against France broke out.

Ms. An had nine sisters and brothers, all with names that begin with "A". Her father wanted their names to appear on the top of their teachers' lists so that his children would feel more confident in their studies.

Although her family was well off and had several servants, Ngân An, together with her four sisters, learned to cook and sew from a young age. Ngân An recalls that when she was six years old, her parents sent her to the Mai Anh Private School to learn how to cook and make clothes. She seemed to be a natural with cloth, and her skill advanced rapidly.



Thấy vải vóc ở nhà nhiều quá, bà xin phép mẹ tự may quần áo cho cả gia đình. Bà không bao giờ nghĩ sau này sẽ kiếm tiền từ việc may vá. Bà cũng rất hay tò mò về các trang phục truyền thống, như áo tứ thân chẳng hạn. Mỗi lần mẹ bà mua bánh cốm, bún ốc, hoa quả, hoa tươi của các cô bán hàng rong, bà tranh thủ mượn áo của cô bán hàng mặc thử, rồi ghi lại những đặc điểm của áo. Bà may quần áo truyền thống cho mấy chị em trong nhà, rồi mấy chị em mặc để diễn chèo hoặc nhảy múa với nhau.

Sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc năm 1954, doanh nghiệp tư nhân không được khuyến khích. Gia đình bà cũng phải theo lối sống của thời ấy, thôi không kinh doanh nữa. Những người lớn trong gia đình chuyển sang đi làm cho các cơ quan nhà nước, diện tích nhà ở của gia đình bị cắt giảm rất nhiều. Năm 15 tuổi, bà được tuyển vào Nhóm kịch Hà Nội, và từ đấy bà bắt đầu phân đôi thời gian để vừa diễn kịch vừa học văn hóa tại trường trung học. Bà tự may quần áo cho cả đoàn. Mỗi đêm diễn, bà lại mặc chiếc áo dài tự tay mình may để giới thiệu chương trình của đoàn.

Bà lấy chồng năm 20 tuổi. Chồng bà làm ở Cục đường sắt. Hai vợ chồng sống trong một căn buồng rộng có 8 mét vuông. Trong thời gian khó khăn của cuộc chiến tranh chống Mỹ, ngoài giờ

Because her house had so much material, Ms. Ngân An asked her mother's permission to make clothes for all her family. She never thought she would later earn money from such work. She was also curious about folk dress, such as the four-flap dress, *áo tứ thân*. Whenever her mother bought young rice cakes (*bánh cốm*), snail vermicelli (*bún ốc*), fruit, or flowers from a female street vendor, Ngân An would borrow the vendor's robe to try it on and take notes of its features. She made folk clothes for her sisters. Then, together, they would perform *chèo* opera or dance.

Private businesses were not encouraged after the Resistance War Against France ended in 1954. Ms. Ngân An's family followed the mode of living at that time; the business closed. The adults in the family worked for government offices, and the family's living space was much reduced. When she was fifteen, Ngân An was recruited by the Hà Nội Drama Group and began to divide her time between acting and high school classes. She tailored costumes for her troupe and, wearing her handmade *áo dài*, would introduce the troupe's programs.

She married at the age of twenty. Her husband worked in the Railway Service. They lived in a room of eight square metres. During the hard times of the American War, she made clothes after work to earn money to meet the family's living costs. After the end of the war in 1975, Ms. Ngân An worked at the Hà Nội Fine Arts Company and was responsible only for making *áo dàis*. When the government's policy of renewal stimulated the private economic sector, she opened a fashion shop in her apartment.